

Số: 2153/BVĐKĐG-VTTB
V/v mời chào giá vật tư tiêu hao

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp vật tư y tế tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Đức Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm vật tư y tế, thuộc dự toán mua sắm vật tư tiêu hao hóa chất năm 2025.

Bệnh viện kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung cấp, quan tâm chào giá, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Đức Giang số 54 Phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội.

2. Mọi thông tin cần liên hệ về báo giá: Đ/c Nguyễn Thị Phương Nhung – Phòng Vật tư thiết bị - ĐT: 038.6922866 hoặc số 024.38711751 để được hỗ trợ

3. Báo giá (Theo mẫu phụ lục II đính kèm)

Được tiếp nhận theo các hình thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận Văn thư – tầng 1 nhà A, Bệnh viện Đa khoa Đức Giang số 54 Phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội

- Nhận qua Email: vtbtytducgiang@gmail.com

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 04 tháng 11 năm 2025 đến trước 17h ngày 14 tháng 11 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày (Ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2025)

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục vật tư y tế (Kèm theo phụ lục I).

2. Địa điểm giao hàng: Kho vật tư y tế, Bệnh viện Đa khoa Đức Giang, số 54 phố Trường Lâm, phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý I/2026

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng, thanh toán theo từng đợt, sau khi thực hiện hợp đồng và đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VTTB.



GIÁM ĐỐC

Đỗ Đình Tùng

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Quy cách
1	Hóa chất Hóa mô miễn dịch			
1.1	Bộ kit nhuộm hóa mô miễn dịch (Bộ kháng thể 2)	Bộ	5	Bộ $\geq$ 100 test
1.2	Bể chịu nhiệt nhuộm hóa mô	Cái	3	
1.3	Dung dịch bậc lộ kháng nguyên PH6	Lọ	2	Lọ/chai $\geq$ 1000ml
1.4	Dung dịch bậc lộ kháng nguyên PH9	Chai	2	Lọ/chai $\geq$ 1000ml
1.5	Dung dịch đệm rửa tiêu bản	Lọ	3	Lọ $\geq$ 500ml
1.6	Kháng thể Caretinin	Lọ	3	Lọ $\geq$ 3ml
1.7	Kháng thể CD56	Lọ	1	Lọ $\geq$ 3ml
1.8	Kháng thể Chromogranin	Lọ	3	Lọ $\geq$ 3ml
1.9	Kháng thể Cytokeratin 20	Lọ	3	Lọ $\geq$ 3ml
1.10	Kháng thể Cytokeratin 5/6	Lọ	3	Lọ $\geq$ 3ml
1.11	Kháng thể Cytokeratin 7	Lọ	3	Lọ $\geq$ 3ml
1.12	Kháng thể Cytokeratin AE1/AE3	Lọ	1	Lọ $\geq$ 3ml
1.13	Kháng thể Estrogen Receptor	Lọ	2	Lọ $\geq$ 3ml
1.14	Kháng thể GATA-3	Lọ	1	Lọ $\geq$ 3ml
1.15	Kháng thể HER2/NEU	Lọ	2	Lọ $\geq$ 3ml
1.16	Kháng thể Ki67	Lọ	2	Lọ $\geq$ 3ml
1.17	Kháng thể Mammaglobulin	Lọ	1	Lọ $\geq$ 3ml
1.18	Kháng thể Napsin A	Lọ	3	Lọ $\geq$ 3ml
1.19	Kháng thể P40	Lọ	3	Lọ $\geq$ 3ml
1.20	Kháng thể P63	Lọ	3	Lọ $\geq$ 3ml
1.21	Kháng thể Progesterone Receptor	Lọ	2	Lọ $\geq$ 3ml
1.22	Kháng thể Synaptophysin	Lọ	3	Lọ $\geq$ 3ml
1.23	Lam nhuộm Hóa mô	Hộp	10	Hộp $\geq$ 72 cái
2	Hóa chất nhuộm tế bào			
2.1	Bộ nhuộm Papanicolaou (EA50)	Lít	7	
2.2	Bộ nhuộm Papanicolaou (Orange-G6)	Lít	7	
2.3	Bể + giỏ nhựa nhuộm tiêu bản đứng	Cái	10	
2.4	Cassette nhựa có nắp	Cái	10.000	
2.5	Gel cất lạnh	Chai	5	Chai/lọ $\geq$ 120ml
2.6	Keo dán lamén	Chai	8	Chai/lọ $\geq$ 118ml
2.7	Khay nhựa cài tiêu bản	Cái	10	
2.8	Lamen (24x50)mm	Hộp	40	Hộp $\geq$ 100 Lamen
2.9	Nén hạt tinh khiết	Túi	80	Túi 1kg $\pm$ 0.1

2.10	Thuốc nhuộm Eosin Y	Lít	8	
2.11	Thuốc nhuộm Hematoxinilin	Lít	7	
2.12	Thuốc nhuộm PAS	Bộ	4	Bộ gồm 2 chai Schiff reagent và Periodich Acid 1%, 500ml/chai.
3	Vật tư nha khoa			
3.1	Cốc nhựa dùng 1 lần	Cốc	9.000	
3.2	Mũi khoan nha khoa	Cái	800	
3.3	Trâm gai lấy tủy	Vi	200	
3.4	Chụp thép bán sẵn (dùng cho trẻ em)	Cái	100	Hộp $\geq$ 5 cái
3.5	Thạch cao vàng	Túi	100	Túi $\geq$ 1kg
3.6	Chổi đánh bóng	Cái	100	
3.7	Lentulo	Cái	80	Dài 21mm. Vi $\geq$ 4 cái
3.8	Tăm Bond (Que màu vàng hoặc trắng)	Hộp	60	Hộp $\geq$ 100 cái
3.9	Ống hút nước bột	Túi	60	Túi $\geq$ 100 cái
3.10	Nụ đánh bóng bề mặt răng	Cái	50	
3.11	Côn giấy	Hộp	50	Hộp $\geq$ 120 cái
3.12	Kìm nhổ răng	Cái	40	
3.13	Trâm xoay máy điều trị tủy răng	Bộ	30	Bộ $\geq$ 6 cái. F25-04, F25-06, F35-06 (file dẻo)
3.14	Dây tay khoan	Cái	30	
3.15	Guttapercha (điều trị tủy máy)	Hộp	20	size 25-04, 25-06, 35-06
3.16	Dung dịch Osemol	Lọ	20	
3.17	Cán gương khám	Cái	20	
3.18	Thám trâm nha khoa	Cái	20	
3.19	Kẹp gấp nha khoa	Cái	20	
3.20	Khay khám nha khoa	Cái	20	
3.21	Bẫy răng	Cái	20	
3.22	Cement trám bít ống tủy Adseal hoặc tương đương	Hộp	12	Hộp 1 tuýp đôi $\geq$ 13.5g
3.23	Bond 3M không cần Etching (Bond 1 bước) hoặc tương đương	Lọ	12	Lọ $\geq$ 5ml
3.24	Ốc tay khoan	Cái	12	
3.25	Fuji 1 (vật liệu gắn răng)	Hộp	10	Hộp $\geq$ 35g
3.26	Arsen (chất diệt tủy)	Lọ	10	Lọ $\geq$ 3g
3.27	Đầu lấy cao răng ART	Cái	10	
3.28	Lá Matrix thép (che kẽ răng)	Túi	10	Túi $\geq$ 12 lá
3.29	Cocoabuter (bôi trơn bề mặt chất hàn)	Tube	10	Tube/Lọ $\geq$ 3g
3.30	Thìa lấy dấu Inox (lấy dấu răng)	Bộ	10	Size S, M, L; 2 thìa trên dưới/bộ
3.31	Cao su lấy dấu nặng (Silicon lấy dấu Fanta đặc)	Hộp	10	Hộp $\geq$ (2 x 250)ml

3.32	Mắc cài kim loại chỉnh nha tự khóa	Bộ	10	
3.33	Mặt gương khám nha khoa	Hộp	10	
3.34	Hyposol (bơm rửa ống tủy)	Chai	8	Chai $\geq$ 480ml
3.35	Dung dịch sát trùng ống tủy	Lọ	8	
3.36	Fuji 7 (vật liệu hàn răng)	Hộp	6	Hộp $\geq$ 15g
3.37	Vật liệu trám răng - ZnO Oxide (Bột ZnO)	Lọ	6	Lọ $\geq$ 500g
3.38	Chất hàn ống tủy răng dạng trộn sẵn	Tube	6	
3.39	Dây Niti (12,14,16,16x22,17x25)	Bộ	5	
3.40	Banh miệng có chặn lưỡi	Cái	5	
3.41	Cục cắn	Cái	5	
3.42	Chỉ tơ nha khoa	Hộp	5	Cuộn $\geq$ 40m
3.43	Gutta 35	Hộp	4	Hộp $\geq$ 60 cái
3.44	Composite gắn mắc cài quang trùng hộp	Ống	3	Ống/tube $\geq$ 4g
3.45	Chốt thạch anh	Hộp	3	Hộp $\geq$ 1 cái
3.46	Cavene (sát khuẩn làm mềm ống tủy)	Lọ	1	Lọ $\geq$ 10ml
3.47	Composite Vivadent dạng đặc (Tetric N - Ceram A2, A3)	Nhộng	140	Nhộng 0,25g
3.48	Composite Vivadent dạng lỏng (Tetric N - Flow A2, A3)	Nhộng	450	Nhộng 0,25g
3.49	Cao su lỏng	Hộp	18	Hộp $\geq$ 2 tube
3.50	Đầu kim tiêm 27G (Kim nha ngắn, dài)	Cái	5.500	
3.51	Mũi khoan phẫu thuật hàm dưới	Cái	25	
3.52	Mũi khoan phẫu thuật hàm trên	Cái	25	
3.53	Hộp chất lấy dấu răng (Alginate)	Túi	40	Túi $\geq$ 450g
3.54	Chỉ co nướu	Lọ	3	Lọ $\geq$ 2,44ml
3.55	Giấy cắn	Hộp	10	Hộp $\geq$ 280 miếng
3.56	Gutta 30	Hộp	9	Hộp $\geq$ 60 cái
3.57	Acid soi mòn răng (Etching)	Lọ	40	Lọ/tube $\geq$ 2.5ml
3.58	Fuji 9 (Vật liệu hàn răng)	Hộp	15	Hộp $\geq$ 15g
3.59	Dầu xịt tay khoan	Chai	8	Chai $\geq$ 500ml
3.60	Canxi hydroxid (điều trị tủy răng)	Lọ	12	Lọ $\geq$ 10g
3.61	Gutta 25	Hộp	16	Hộp $\geq$ 60 cái
3.62	Nong dừa ống tủy các số	Ví	100	Dài 21 và 25mm. Hộp $\geq$ 6 cái
3.63	Chất hàn tạm Caviton	Lọ	9	Hộp/lọ $\geq$ 38g
3.64	Dung dịch phun, xịt sát khuẩn bề mặt CaviCide1 hoặc tương đương	Chai	18	Chai $\geq$ 500ml
3.65	Gel bôi trơn ống tủy	Tube	7	Tube $\geq$ 3g
3.66	Cây lên ống tủy	Cái	9	
3.67	Bột đánh bóng cao răng	Cái	80	

3.68	Eugenol suntan	Lọ	3	Lọ ≥ 30ml
3.69	Gutta 40 (Gutta percha thường)	Hộp	2	Hộp ≥ 60 cái
3.70	Sáp cắn	Gam	400	
4	Phim X-quang các loại			
4.1	Phim X-quang (35x43)cm	Phim	24.000	
4.2	Phim laser 20 x 25 cm (Fuji)	Phim	20.000	
4.3	Phim chụp răng tự rửa	Hộp	25	
5	Áo, đai, nẹp, bột bó chấn thương, chỉnh hình			
5.1	Đai số 8	Cái	200	
5.2	Băng cố định khớp vai	Cái	200	
5.3	Nẹp chống xoay dài	Cái	120	
5.4	Nẹp cổ cứng	Cái	120	
5.5	Bột bó 15cm x 3,65m	Cuộn	5.000	
5.6	Bột bó 20cm x 3,65m	Cuộn	4.000	
5.7	Nẹp gối	Cái	150	
6	Điện cực cho máy điện cơ vi tính			
6.1	Điện cực kim	Cái	1.500	
6.2	Điện cực dán đo điện cơ	Bộ	200	
6.3	Điện cực đất	Cái	200	
7	Catheter dùng trong chạy thận nhân tạo			
7.1	Catheter 2 nòng (Catheter chạy thận nhân tạo)	Bộ	160	
7.2	Catheter 2 nòng có cuff đặt đường hầm để chạy thận	Bộ	8	
8	Cồn y tế các loại			
8.1	Cồn 70 độ	Lít	12.000	
8.2	Cồn 90 độ	Lít	160	
8.3	Cồn tuyệt đối	Lít	800	
9	Bộ đặt nội khí quản			
9.1	Cây nòng đặt nội khí quản	Cái	5	Kích cỡ: 15Fr/5.0mm. Chiều dài 700mm
9.2	Ống Cook (Cây đặt nội khí quản khó)	Cái	5	
9.3	Que chỉnh nòng ống (mandrin) đặt nội khí quản	Cái	50	Có các Size: 6Fr (2.0mm) dài 305mm ± 5, 10Fr (3.3mm) dài 390mm ± 10; 14 Fr (4.7mm) dài 420mm ± 20
10	Bộ nội soi khớp vai khâu chóp xoay hoặc sụn viên			
10.1	Dây dẫn dịch tưới cho máy bơm tưới hoạt dịch ổ khớp	Cái	20	
10.2	Đầu đốt cao tần + hút dịch + cầm máu cho nội soi khớp và điều trị viêm gân	Cái	20	
10.3	Lưỡi bào khớp đóng tiết trùng các cỡ	Cái	20	

10.4	Lưỡi bào mài xương trong nội soi khớp	Cái	20	
10.5	Kim luồn chỉ	Cái	20	
10.6	Trocar nhựa trong nội soi khớp	Cái	20	
10.7	Vít neo kèm chỉ, khâu chớp xoay hoặc sụn viền	Cái	40	
10.8	Vít neo chôn chỉ khâu chớp xoay hoặc sụn viền	Cái	40	
11	Bộ khâu phục hồi điểm bám gân, dây chằng			
11.1	Vít neo kèm chỉ dẹt siêu bền	Cái	20	
11.2	Chỉ khâu siêu bền dùng trong phẫu thuật chỉnh hình.	Cái	20	
12	Bộ nội soi cột sống			
12.1	Lưỡi bào đầu kim cương	Cái	10	
12.2	Lưỡi bào rãnh khê	Cái	10	
12.3	Lưỡi đốt bằng sóng RF (đốt điểm)	Cái	10	
12.4	Lưỡi đốt bằng sóng RF (đốt lan tỏa)	Cái	10	
12.5	Dây dẫn nước trong nội soi	Cái	10	
13	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng bảo tồn dây chằng chéo sau	Bộ	5	
14	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng không bảo tồn dây chằng chéo sau	Bộ	5	
15	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi ngắn	Bộ	20	
16	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi ngắn, chòm metal on PE	Bộ	10	
17	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi ngắn, chòm ceramic on PE	Bộ	10	
18	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi ngắn, chòm ceramic on ceramic	Bộ	10	
19	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài	Bộ	5	
20	Chất nhầy Aurovisc (2% Hydroxypropyl Methylcellulose)	ống	200	
21	Chất nhầy trọng lượng phân tử cao	ống	200	
22	Chất nhuộm màu Trypan Blue	Lọ	45	Thể tích $\geq 1\text{ml}/\text{ống}$
23	Dao crescent	Cái	80	
24	Dao mổ phaco 15 độ	Cái	100	
25	Dao mổ phaco 2.8mm	Cái	220	
26	Dây Silicon mổ sụp mi có 2 kim nhọn	Cái	10	
27	Dây silicone nối lệ quản Mini-Monoka	Cái	15	
28	Móc mổ mắt	Cái	40	
29	Nút điểm lệ	Cái	20	
30	Que nhuộm giác mạc Fluorescein	Cái	1.500	
31	Thủy tinh thể 2 tiêu cự	Cái	120	

32	Thủy tinh thể đa tiêu, kéo dài tiêu cự	Cái	70	
33	Thủy tinh thể nhân tạo 3 tiêu cự	Cái	70	
34	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu ngâm nước	Cái	100	
35	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự kị nước	Cái	200	
36	Vòng căng bao	Cái	20	
37	Acid Citric	Kg	400	
38	Acid peracetic	Lít	190	
39	Bộ dây chạy thận nhân tạo	Bộ	30.000	
40	Bột khô Bicarbonate 900g (dùng thay thế dịch B)	Túi	3.000	
41	Bột khô Bicarbonate 960g (dùng thay thế dịch B)	Túi	3.000	
42	Kim chạy thận nhân tạo	Cái	55.000	
43	Lõi lọc 0.2 micromet -226, chất liệu Polypropylene	Cái	9	
44	Lõi lọc Cartridge 5 micromet, chất liệu Polypropylene	Cái	100	
45	Muối tinh khiết dạng viên	Kg	11.500	Hàm lượng $\geq$ NaCl 99.50%
46	Quả lọc dịch thẩm tách siêu sạch	Quả	15	Tương thích máy lọc thận Fresenius hoặc tương đương
47	Quả lọc dịch thẩm tách siêu sạch	Quả	80	Tương thích máy lọc thận hãng B.Braun hoặc tương đương
48	Quả lọc high Flux màng lọc làm từ nguyên liệu Polysulfone hoặc tương đương	Quả	600	Diện tích màng lọc $\geq 1.5m^2$
49	Quả lọc máu hấp phụ điều trị suy thận	Quả	150	
50	Quả lọc thận nhân tạo low Flux màng lọc làm từ nguyên liệu Polysulfone hoặc tương đương	Quả	2.500	Diện tích màng lọc $\geq 1,3 m2$.
51	Quả lọc thận nhân tạo màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate hoặc tương đương	Quả	2.500	Diện tích màng lọc $\geq 1,3 m2$.
52	Catheter động mạch	Bộ	20	các kích cỡ 18G, 20G, 22G
53	Catheter gây tê ngoài màng cứng	Bộ	1.100	
54	Catheter tĩnh mạch 2 nòng S508 hoặc tương đương	Bộ	20	
55	Catheter tĩnh mạch 3 nòng S513 hoặc tương đương	Bộ	30	
56	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Bộ	50	
57	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Bộ	650	
58	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Bộ	850	
59	Ống thông động tĩnh mạch rốn	Cái	90	
60	Băng cuộn y tế 5m x 10cm	Cuộn	26.000	

61	Băng dính cá nhân y tế	Miếng	3.800	
62	Băng dính lụa 5cm x 5m	Cuộn	20.000	
63	Băng keo cuộn co giãn 10cm x 10m	Cuộn	30	
64	Băng vô trùng trong suốt, không thấm nước	Miếng	14.000	Kích thước (53x80)mm±0.3
65	Bone wax (sáp cầm máu xương)	Miếng	80	
66	Miếng cầm máu mũi	Miếng	400	Kích thước (dài x rộng x cao): 80 mm x 20 mm x 15 mm
67	Miếng cầm máu tai	Miếng	15	
68	Miếng dán mi	Miếng	800	
69	Miếng dán vô trùng phẫu thuật cỡ 15cm x 28cm	Miếng	100	Kích thước (15 x 28)cm±1
70	Miếng dán vô trùng phẫu thuật cỡ 28cm x 41cm	Miếng	100	Kích thước (28 x 41)cm±1
71	Miếng dán vô trùng phẫu thuật, phủ Iod	Miếng	400	Kích thước (45 x 56)cm±1
72	Vật liệu cầm máu Gelatin (Spongostan)	Miếng	40	Kích thước (7 x 5 x 1)cm
73	Vật liệu cầm máu tự tiêu cellulose oxy hóa dạng lưới	Miếng	230	Kích thước (10 x 20)cm±0.1
74	Bàn chải rửa tay phẫu thuật	Cái	500	
75	Băng ghim nội soi công nghệ tristaple có 3 hàng ghim	Cái	30	
76	Bao cao su	Cái	12.000	
77	Bẫy đom	Bộ	2.500	Thể tích ≥ 40ml
78	Bộ bơm tiêm 200ml dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang 2 nòng	Bộ	280	
79	Bộ hút đờm kín	Cái	800	
80	Bộ nhuộm Gram (Color Gram 2)	Bộ	12	Bộ 4 chai ≥ 250ml
81	Bơm hút thai 1 van	Cái	25	
82	Bơm tiêm thuốc cân quang (200ml)	Cái	280	
83	Bóng đèn cực tím các cỡ	Cái	195	
84	Bóng đèn cực tím diệt khuẩn S463RL hoặc tương đương	Cái	3	Chiều dài: 460mm; Công suất: 25W
85	Bóng đèn cực tím diệt khuẩn S810RL hoặc tương đương	Cái	2	Chiều dài: 810mm - Công suất: 37W
86	Bóng đèn gù	Cái	20	
87	Bóng đèn hồng ngoại	Cái	30	Công suất 250W, điện AC, 220V-240V
88	Bóng đèn mổ có chóa	Cái	15	
89	Bóng đèn mổ không có chóa	Cái	15	
90	Bóng đèn nội khí quản	Cái	110	
91	Dầu parafin	Chai	60	Chai ≥ 500ml
92	Dầu Parafin	Ống	3.600	Ống ≥ 5 ml
93	Dây cao su, phi 8	Mét	2.000	

94	Dây cưa sọ não	Cái	10	Dài 300-500mm
95	Dây dẫn đường dùng cho sonde JJ loại cứng phủ PTFE	Cái	450	Dài 80-150cm, đường kính 0.025inch, 0.028inch, 0.032inch, 0.038inch
96	Dây dẫn đường dùng cho sonde JJ loại mềm phủ Nitinol	Cái	150	Dài 150cm, đường kính 0.032inch, 0.035inch, 0.038inch
97	Dây garo cao su	Cái	2.000	Kích thước 5cm±1 x 100cm
98	Dây garo có dính	Cái	300	
99	Đề lưới gỗ	Cái	15.000	
100	Điện cực tim	Cái	20.000	
101	Dụng cụ chống cắn lưỡi	Cái	1.630	
102	Dung dịch Formol trung tính	Can	1.100	Formalin đậm trung tính 10% NBF. Can ≥ 3.8L (1 gallon)
103	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dùng cho máy Nocospay	Chai	185	Chai ≥ 1000ml
104	Gel bôi trơn	Tube	460	Tube ≥ 82g
105	Gel siêu âm	Can	220	Can ≥ 5kg (hoặc 5 lít)
106	Giấy in ảnh siêu âm màu DNPDS - RX hoặc tương đương	Hộp	65	Hộp 2 cuộn. Kích thước mỗi cuộn: 15,2cm x 72m
107	Giemsa	Chai	30	chai ≥ 1000ml
108	Hydrogen Peroxide (Chất tẩy trắng Oxy già)	Can	100	Nồng độ 30-40%, Can ≥ 30kg
109	Javen (lít)	Lít	6.000	Nồng độ 10-12%
110	Kẹp rốn sơ sinh	Cái	3.000	
111	Khăn lau diệt khuẩn bề mặt không cồn	Hộp	30	Kích thước khăn lớn: 200mm x 200mm
112	Khẩu trang giấy	Cái	50.000	≥ 3 lớp kháng khuẩn
113	Lamen 24 x 32mm	Hộp	90	
114	Mỏ vệt nhựa	Cái	3.000	
115	Mũ phẫu thuật	Cái	20.500	
116	Natriclorua 0.9%	Chai	2.400	Chai ≥ 500ml
117	Nẹp Crame 70cm	Cái	300	
118	Nhiệt kế thủy ngân kẹp nách	Cái	250	
119	Nước cất 2 lần (vô khuẩn)	Lít	2.000	
120	Ống hút dịch phẫu thuật	Cái	650	
121	Ống nhựa hút thai	Cái	300	
122	Ống thổi cho máy đo chức năng hô hấp	Cái	3.000	
123	Ống thông khí tai	Cái	50	
124	Peracetic acid 0,33% (khử khuẩn mức độ cao)	Hộp	135	Hộp ≥ 2kg
125	Que lấy dịch âm đạo (Que lấy bệnh phẩm)	Cái	2.000	
126	Que tán sỏi	Cái	5	Kích thước: 272µm, 550µm; Chiều dài 2,5m

127	Que thử độ cứng của nước	Lọ	3	Hộp $\geq$ 50 que
128	Que thử hàm lượng Clo trong chạy thận nhân tạo	Lọ	3	Lọ/hộp $\geq$ 50 que
129	Que thử tồn dư Peroxide trong chạy thận nhân tạo	Lọ	3	Lọ/hộp $\geq$ 50 que
130	Racco nối dây dây máy hút (thăng, chữ Y)	Cái	110	
131	Rọ lấy sỏi	Cái	300	Chiều dài rọ: 70cm, 90cm, 120cm.
132	Tấm điện cực trung tính trẻ em	Cái	150	
133	Tấm trải nylon vô trùng	Cái	750	Kích thước: 100x130cm
134	Test hơi thở C13 (13C-urea breath test)	Test	500	
135	Vôi soda	Can	40	Can $\geq$ 4,5kg
136	Xylen có mùi	Lít	200	
137	Xylen không mùi	Lít	150	

Tên công ty báo giá

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi :{ Ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá }

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau :

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan :

ST T	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Đơn vị	Cấu hình kĩ thuật báo giá, Tiêu chuẩn chất lượng (ISO, CE/EC/FDA...)	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A											
2	Thiết bị B											
n	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

... .., ngày... tháng... năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
 - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
 - (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
 - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
 - (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
 - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
 - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
 - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
 - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
 - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
 - Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
 - (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
- Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.